



Công Ty
Cổ Phần
Vận Tải
Xăng Dầu
Vitaco

Digitally signed by
Công Ty Cổ Phần
Vận Tải Xăng Dầu
Vitaco
DN: cn=Công Ty Cổ
Phần Vận Tải Xăng
Dầu Vitaco, c=VN,
st=Hồ Chí Minh
Date: 2026.03.23
11:51:59 +07'00'

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300545501 ngày 13 tháng 2 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2025)
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 4 năm 2025)
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 5 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên

Trụ sở đăng ký

236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường Gia Định
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00196-26-2

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.145.458.352.009	1.085.758.815.951
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	986.437.371.049	890.556.025.885
Tiền	111		101.437.371.049	100.556.025.885
Các khoản tương đương tiền	112		885.000.000.000	790.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.700.645.182	101.908.297.705
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	52.345.030.933	66.592.211.884
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.694.213.772	5.514.408.572
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	22.038.103.249	29.918.351.979
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(376.702.772)	(116.674.730)
Hàng tồn kho	140	8	81.122.716.974	91.784.230.904
Hàng tồn kho	141		81.122.716.974	91.784.230.904
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.197.618.804	1.510.261.457
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.194.167.604	1.354.864.868
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	155.396.589
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153		3.451.200	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		411.388.823.969	530.069.039.831
Các khoản phải thu dài hạn	210		65.500.000	265.500.000
Phải thu dài hạn khác	216		65.500.000	265.500.000
Tài sản cố định	220		389.801.823.970	508.310.598.663
Tài sản cố định hữu hình	221	9	368.906.897.689	486.802.667.890
Nguyên giá	222		4.275.032.402.413	4.271.320.940.948
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.906.125.504.724)	(3.784.518.273.058)
Tài sản cố định vô hình	227	10	20.894.926.281	21.507.930.773
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.356.053.930)	(6.743.049.438)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	10.776.875.000	10.741.176.461
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(53.723.125.000)	(53.758.823.539)
Tài sản dài hạn khác	260		10.744.624.999	10.751.764.707
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	30(c)	10.744.624.999	10.751.764.707
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.556.847.175.978	1.615.827.855.782

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		372.547.700.163	445.618.408.850
Nợ ngắn hạn	310		293.367.399.744	299.974.707.394
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	11.055.890.201	30.666.801.162
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		124.055.779	120.170.952
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	13	15.873.238.458	11.186.724.591
Phải trả người lao động	314		87.992.461.668	80.808.414.249
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	5.953.327.816	4.437.895.942
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	37.800.388.021	33.758.012.718
Vay ngắn hạn	320	16(a)	67.829.723.775	71.380.815.025
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	47.500.000.000	51.182.871.054
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	19.238.314.026	16.433.001.701
Nợ dài hạn	330		79.180.300.419	145.643.701.456
Vay dài hạn	338	16(b)	79.180.300.419	145.643.701.456
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.184.299.475.815	1.170.209.446.932
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.184.299.475.815	1.170.209.446.932
Vốn cổ phần	411	20	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		123.257.066	123.257.066
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	213.491.855.223	213.491.855.223
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		172.017.703.526	157.927.674.643
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		50.635.446.318	47.091.809.674
- LNST năm nay	421b		121.382.257.208	110.835.864.969
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.556.847.175.978	1.615.827.855.782

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập:


Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp


Phan Nhân Tri
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

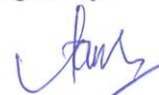
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	1.129.966.254.692	1.118.709.518.207
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	25	850.332.174.258	861.644.384.657
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		279.634.080.434	257.065.133.550
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	34.526.625.734	22.817.500.105
Chi phí tài chính	22	27	13.218.855.459	27.764.234.584
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.321.271.269</i>	<i>16.376.403.225</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	145.283.397.269	120.094.969.651
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		155.658.453.440	132.023.429.420
Thu nhập khác	31		745.154.605	14.481.336.792
Chi phí khác	32		586.595.051	4.123.303.489
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		158.559.554	10.358.033.303
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		155.817.012.994	142.381.462.723
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	34.427.616.078	31.691.623.001
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30	7.139.708	(146.025.247)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		121.382.257.208	110.835.864.969
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		121.382.257.208	110.835.864.969
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.144	1.125

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập:


Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Phan Nhân Tri
Trưởng phòng Tài chính Kế toán


Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		155.817.012.994	142.381.462.723
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		123.241.681.613	171.818.939.918
Các khoản dự phòng	03		83.706.347.674	75.604.499.657
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.408.587.837	3.110.254.484
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(33.671.706.806)	(21.399.839.884)
Chi phí lãi vay	06		11.321.271.269	16.376.403.225
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(698.656.347)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		341.823.194.581	387.193.063.776
Biến động các khoản phải thu	09		25.290.556.716	6.357.842.285
Biến động hàng tồn kho	10		10.661.513.930	65.185.269
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(92.330.337.062)	(42.520.379.144)
Biến động chi phí trả trước	12		160.697.264	(311.566.340)
			285.605.625.429	350.784.145.846
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.588.751.846)	(17.058.354.150)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(31.239.660.511)	(35.372.186.889)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(24.620.250.000)	(25.384.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		218.156.963.072	272.969.554.807
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.732.906.920)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		267.121.819	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		33.404.584.987	21.399.839.884
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28.938.799.886	21.399.839.884

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(71.380.815.025)	(80.650.641.940)
Tiền trả cổ tức	36		(79.796.792.800)	(63.872.636.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(151.177.607.825)	(144.523.278.140)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		95.918.155.133	149.846.116.551
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		890.556.025.885	740.620.646.441
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(36.809.969)	89.262.893
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	986.437.371.049	890.556.025.885

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập:


 Trần Thị Thành
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Phan Nhân Tri
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán




 Nguyễn Quang Cường
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 2 công ty con (1/1/2025: 2 công ty con), chi tiết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	
		31/12/2025	1/1/2025
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty và các công ty con có 522 nhân viên (1/1/2025: 541 nhân viên).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và/hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty và các công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 37 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 4 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất trong vòng 43 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty và các công ty con thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 – 2,5 năm/lần. Số dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định theo dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong chu kỳ tiếp theo.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bộ phận kinh doanh vận tải: vận tải xăng dầu; và
- Bộ phận khác: dịch vụ hàng hải và các hoạt động khác của Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.095.699.266.419	34.266.988.273	-	1.129.966.254.692
Doanh thu giữa các bộ phận	-	10.757.347.974	(10.757.347.974)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.095.699.266.419	45.024.336.247	(10.757.347.974)	1.129.966.254.692
Lợi nhuận gộp của bộ phận	266.166.957.188	13.467.123.246	-	279.634.080.434
Chi phí phân bổ	(137.213.015.229)	(8.070.382.040)	-	(145.283.397.269)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	128.953.941.959	5.396.741.206	-	134.350.683.165
Doanh thu tài chính				34.526.625.734
Chi phí tài chính				(13.218.855.459)
Thu nhập khác				745.154.605
Chi phí khác				(586.595.051)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(34.427.616.078)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(7.139.708)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN				121.382.257.208



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.086.150.771.993	32.558.746.214	-	1.118.709.518.207
Doanh thu giữa các bộ phận	-	9.789.617.038	(9.789.617.038)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.086.150.771.993	42.348.363.252	(9.789.617.038)	1.118.709.518.207
Lợi nhuận gộp của bộ phận	244.583.571.733	12.481.561.817	-	257.065.133.550
Chi phí phân bổ	(112.790.288.621)	(7.304.681.030)	-	(120.094.969.651)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	131.793.283.112	5.176.880.787	-	136.970.163.899
Doanh thu tài chính				22.817.500.105
Chi phí tài chính				(27.764.234.584)
Thu nhập khác				14.481.336.792
Chi phí khác				(4.123.303.489)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(31.691.623.001)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				146.025.247
Lợi nhuận thuần sau thuế TNĐN				110.835.864.969

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	432.288.129.793	44.369.949.084	476.658.078.877
Tài sản không phân bổ			1.080.189.097.101
Tổng tài sản			1.556.847.175.978
Nợ phải trả của bộ phận	316.723.422.064	31.386.140.582	348.109.562.646
Các khoản nợ không phân bổ			24.438.137.517
Tổng nợ phải trả			372.547.700.163

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025

	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	570.221.479.214	43.728.676.104	613.950.155.318
Tài sản không phân bổ			1.001.877.700.464
Tổng tài sản			1.615.827.855.782
Nợ phải trả của bộ phận	369.990.445.503	30.469.112.767	400.459.558.270
Các khoản nợ không phân bổ			45.158.850.580
Tổng nợ phải trả			445.618.408.850

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiêu vốn	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	4.732.906.920	-	4.732.906.920
Khấu hao tài sản cố định vô hình	122.628.677.121	-	122.628.677.121
	613.004.492	-	613.004.492

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Khấu hao tài sản cố định hữu hình	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Khấu hao tài sản cố định vô hình	171.205.935.426	-	171.205.935.426
	613.004.492	-	613.004.492

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty và các công ty con hoạt động tại miền Nam và miền Trung Việt Nam. Hoạt động kinh doanh tại miền Trung là không trọng yếu đối với Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	1.430.974.323	2.138.372.622
Tiền gửi ngân hàng	100.006.396.726	98.417.653.263
Các khoản tương đương tiền (*)	885.000.000.000	790.000.000.000
	986.437.371.049	890.556.025.885

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 4,7% đến 4,8%/năm (1/1/2025: từ 3,7% đến 4,0%/năm).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các bên liên quan		
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	11.410.746.486	22.866.380.799
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	38.864.654.305	41.430.891.503
<i>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	1.018.825.846	911.580.077
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex		
Hải Phòng	297.808.626	513.682.536
	51.592.035.263	65.722.534.915
Các bên khác		
Các khách hàng khác	752.995.670	869.676.969
	52.345.030.933	66.592.211.884

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi hệ các công ty liên quan	9.727.189.430	19.154.575.594
▪ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	5.025.626.926	10.427.339.507
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	3.592.366.361	3.337.337.275
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	-	225.851.762
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	1.088.362.033	1.911.909.619
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	20.834.110	44.787.850
▪ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn	-	3.207.349.581
Chi hệ các bên khác	9.924.612.166	7.166.382.226
Tạm ứng cho người lao động	1.998.052.177	2.766.335.983
Các khoản phải thu khác	388.249.476	831.058.176
	22.038.103.249	29.918.351.979

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Nguyên vật liệu	80.460.567.771	89.307.239.153
Công cụ và dụng cụ	662.149.203	1.350.723.047
Sản phẩm dở dang	-	1.126.268.704
	81.122.716.974	91.784.230.904

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	106.179.491.913	418.919.147	4.163.935.729.604	786.800.284	4.271.320.940.948
Tăng trong năm	-	-	4.732.906.920	-	4.732.906.920
Thanh lý	-	-	(1.021.445.455)	-	(1.021.445.455)
Số dư cuối năm	106.179.491.913	418.919.147	4.167.647.191.069	786.800.284	4.275.032.402.413
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	15.925.256.950	418.919.147	3.767.646.174.453	527.922.508	3.784.518.273.058
Khấu hao trong năm	2.897.188.584	-	119.596.421.869	135.066.668	122.628.677.121
Thanh lý	-	-	(1.021.445.455)	-	(1.021.445.455)
Số dư cuối năm	18.822.445.534	418.919.147	3.886.221.150.867	662.989.176	3.906.125.504.724
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	90.254.234.963	-	396.289.555.151	258.877.776	486.802.667.890
Số dư cuối năm	87.357.046.379	-	281.426.040.202	123.811.108	368.906.897.689

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 261.886 triệu VND (1/1/2025: 350.065 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 16(b)).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản với nguyên giá 3.222.230 triệu VND (1/1/2025: 2.777.274 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.743.049.438
Khấu hao trong năm	613.004.492
Số dư cuối năm	7.356.053.930
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	21.507.930.773
Số dư cuối năm	20.894.926.281

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025				1/1/2025			
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0,51%	0,51%	(*)	(*)	53.500.000.000	0,51%	53.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	(*)	(*)	6.000.000.000	2,02%	6.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	(*)	-	5.000.000.000	17,86%	5.000.000.000
						<u>64.500.000.000</u>		<u>64.500.000.000</u>
						(53.723.125.000)		(53.758.823.539)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các bên liên quan		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	-	3.665.543.468
<i>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Cảng dầu B12	2.561.124.312	3.951.429.922
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	949.253.752	1.384.440.985
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	457.575.585	1.134.331.980
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	62.233.150	25.479.900
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	17.584.712	73.001.947
Công ty TNHH MTV Petrolimex Cần Thơ	-	1.938.640.735
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai	-	1.552.315.780
Chi nhánh Petrolimex Vũng Tàu - Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	-	880.277.180
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	-	842.146.098
	4.047.771.511	15.447.607.995
Các bên khác		
Công ty TNHH Sửa chữa Tàu biển Ánh Dương	1.443.754.800	560.546.568
Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Biển Xanh	1.117.324.800	276.373.960
Công ty TNHH Hoa Thiên Sứ	-	2.501.730.000
Các nhà cung cấp khác	4.447.039.090	11.880.542.639
	7.008.118.690	15.219.193.167
	11.055.890.201	30.666.801.162

Khoản phải trả cho các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	834.108.425	38.538.618.912	(37.165.963.094)	2.206.764.243
Thuế nhập khẩu	-	3.039.004.458	(3.039.004.458)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.523.005.943	34.427.616.078	(31.239.660.511)	11.710.961.510
Thuế thu nhập cá nhân	1.762.715.767	9.400.077.086	(9.368.343.058)	1.794.449.795
Các loại thuế, phí khác	66.894.456	1.846.594.846	(1.752.426.392)	161.062.910
	11.186.724.591	87.251.911.380	(82.565.397.513)	15.873.238.458

(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong năm thể hiện số đã cần trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	2.648.756.014	1.541.523.934
Chi phí phúc lợi cho nhân viên	548.000.000	-
Chi phí lãi vay	339.831.298	607.311.875
Cảng phí	-	508.979.725
Các khoản khác	2.416.740.504	1.780.080.408
	5.953.327.816	4.437.895.942

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.959.250.572	2.509.692.040
Cổ tức phải trả	1.281.946.060	1.212.072.860
Phải trả các khoản thu hộ Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	5.049.657.679	5.535.017.103
Chi phí trả hộ về thuê thuyền viên cho Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO – công ty liên quan	2.258.688.142	1.796.214.126
Phải trả về hoạt động nhập khẩu ủy thác	5.218.668.637	2.573.522.526
Phải trả khoản thu hộ liên quan đến hoạt động đại lý hàng hải	11.545.115.751	12.092.141.040
Trong đó:		
• Tổng Kho Xăng dầu Nhà Bè (Chi nhánh của Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn – công ty trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam)	1.185.160.406	1.087.162.383
• Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Aqualink	5.737.791.991	-
• Các bên khác	4.622.163.354	11.004.978.657
Các khoản phải trả khác	9.487.061.180	8.039.353.023
	37.800.388.021	33.758.012.718

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09– DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 1/1/2025 VND	Chuyển từ vay dài hạn VND	Biến động trong năm Trả nợ vay VND	Chênh lệch quy đổi tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 31/12/2025 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16(b))	71.380.815.025	66.819.463.824	(71.380.815.025)	1.010.259.951	67.829.723.775

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09– DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	7,1%	2032	80.090.000.000	92.370.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành	VND	7,0%	2026	23.288.674.500	54.340.240.500
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	6,0%	2027	18.162.654.170	41.500.413.281
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	USD	4,5%	2027	25.468.695.524	28.813.862.700
				147.010.024.194	217.024.516.481
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(67.829.723.775)	(71.380.815.025)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				79.180.300.419	145.643.701.456

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty và các công ty con có giá trị còn lại là 261.886 triệu VND (1/1/2025: 350.065 triệu VND) (Thuyết minh 9).

42-
TY
NỘI

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự phòng sửa chữa lớn	47.500.000.000	51.182.871.054

Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	51.182.871.054	41.483.120.307
Dự phòng trích lập trong năm	83.482.018.171	74.874.373.419
Dự phòng sử dụng trong năm	(87.164.889.225)	(65.174.622.672)
Số dư cuối năm	47.500.000.000	51.182.871.054

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	16.433.001.701	20.817.639.388
Trích lập trong năm	27.425.562.325	20.999.412.313
Sử dụng quỹ	(24.620.250.000)	(25.384.050.000)
Số dư cuối năm	19.238.314.026	16.433.001.701

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	131.984.554.787	1.144.266.327.076
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	110.835.864.969	110.835.864.969
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(20.999.412.313)	(20.999.412.313)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	157.927.674.643	1.170.209.446.932
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	121.382.257.208	121.382.257.208
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(27.425.562.325)	(27.425.562.325)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(79.866.666.000)	(79.866.666.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	172.017.703.526	1.184.299.475.815

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

21. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2025 đã quyết định chia cổ tức cho năm 2024 với số tiền là 79.867 triệu VND, tương đương 10% vốn cổ phần (2024: chia cổ tức với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 8% vốn cổ phần).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	90.000.000	156.000.000
Trong vòng hai đến năm năm	-	90.000.000
	90.000.000	246.000.000

(b) Ngoại tệ

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	613.573	16.000.133.731	423.535	10.694.683.039

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty và các công ty con có các cam kết chi tiêu vốn đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và các công ty đang triển khai thực hiện. Các khoản cam kết này chưa được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đã được duyệt và đang triển khai thực hiện	1.186.965.000.000	894.285.000.000

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2025 VND	2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	1.095.699.266.419	1.086.150.771.993
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	34.266.988.273	32.558.746.214
	1.129.966.254.692	1.118.709.518.207

25. Giá vốn dịch vụ cung cấp

	2025 VND	2024 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	829.532.309.231	841.567.200.260
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	20.799.865.027	20.077.184.397
	850.332.174.258	861.644.384.657

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi	33.404.584.987	20.399.839.884
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.122.040.747	1.417.660.221
Cổ tức được chia	-	1.000.000.000
	34.526.625.734	22.817.500.105

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

27. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	11.321.271.269	16.376.403.225
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	523.984.892	1.543.700.129
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.408.587.837	3.110.254.484
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(35.698.539)	6.730.126.238
Chi phí tài chính khác	710.000	3.750.508
	13.218.855.459	27.764.234.584

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	69.718.272.088	62.834.295.553
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	9.800.605.022	10.125.090.305
Chi phí khấu hao	5.011.085.668	5.229.548.607
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	260.028.042	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.823.901.214	10.591.426.374
Chi phí khác	50.669.505.235	31.314.608.812
	145.283.397.269	120.094.969.651

29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	301.099.010.964	296.369.559.174
Chi phí nhân công	241.563.040.741	225.515.569.025
Chi phí khấu hao	123.241.681.613	171.818.939.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.236.763.576	127.745.643.264
Chi phí khác	191.348.805.929	159.241.057.586

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	34.163.878.998	30.342.382.730
Dự phòng thiếu trong những năm trước	263.737.080	1.349.240.271
	34.427.616.078	31.691.623.001
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	7.139.708	(146.025.247)
	34.434.755.786	31.545.597.754

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	155.817.012.994	142.381.462.723
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	31.163.402.599	28.476.292.545
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.007.616.107	4.101.497.128
Dự phòng thiếu trong những năm trước	263.737.080	1.349.240.271
Ảnh hưởng thuế của thu nhập không chịu thuế	-	(2.381.432.190)
	34.434.755.786	31.545.597.754

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho năm báo cáo là 91.347.063.626 VND (2024: 89.836.452.656 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm là 79.866.666 cổ phiếu (năm 2024: 79.866.666), chi tiết như sau:

	2025	2024
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông (VND)	121.382.257.208	110.835.864.969
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến (VND) (*)	(30.035.193.582)	(20.999.412.313)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	91.347.063.626	89.836.452.656
Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	79.866.666	79.866.666
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.144	1.125

(*) Số dự kiến phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2025 được ước tính bởi Ban Giám đốc Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Số thực tế phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2024 (Thuyết minh 19) lớn hơn số phân bổ dự kiến khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2024. Ban Giám đốc Công ty đánh giá chênh lệch này không trọng yếu, do đó đã quyết định không điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2024.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	655.555.147.870	673.754.943.951
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	438.479.972.570	421.713.953.129
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	6.659.635.094	5.531.563.019
Chia cổ tức	41.465.217.000	33.172.173.600
Công ty TNHH MTV Petrolimex Cần Thơ		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	24.833.295.236	36.995.576.151
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	4.368.692.572	18.308.716.570
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	361.629.398	353.685.741
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	68.095.350.235	76.686.531.429
Chi nhánh Petrolimex Vũng Tàu –		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	42.639.781.554	33.840.254.232
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.745.779.726	1.764.438.816
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	6.036.521.244	1.410.967.605
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	16.214.097.425	19.444.682.837
Tổng kho Xăng dầu Nhà bè		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	563.072.723	110.921.774
Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	10.765.041.082	23.769.558.297

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	1.527.348.740	2.348.044.149
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đà Nẵng		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	1.275.576.940	1.025.727.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Gia Lai		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	1.878.096.662	1.377.599.679
Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh		
Mua nguyên vật liệu	3.685.477.907	-
Cảng dầu B12		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	56.491.211.114	39.971.938.830
Công ty TNHH MTV Petrolimex Khánh Hòa		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	-	178.235.790
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	431.169.243	373.292.211
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	4.629.763.703	4.819.226.486
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.032.620.026	9.485.832.145
Các công ty liên kết của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn		
Mua dịch vụ	30.308.418.177	28.225.350.976
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex – Chi nhánh Hải Phòng		
Mua dịch vụ	1.615.158.228	1.938.054.625
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex – Chi nhánh Đà Nẵng		
Mua dịch vụ	134.341.093	135.926.083

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giá trị giao dịch	
		2025	2024
		VND	VND
Thành viên Ban Giám đốc			
Tiền lương và thưởng			
Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc	1.202.988.534	1.065.826.289
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc	960.812.138	855.021.031
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/4/2025)	334.782.098	801.261.326
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/5/2025)	473.387.902	799.601.938
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc	960.812.138	855.021.031
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/7/2025)	557.684.209	
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/6/2024)	-	247.800.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát			
Tiền lương, thưởng và thù lao			
Ông La Văn Út	Chủ tịch	1.427.023.883	1.276.673.476
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên	121.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên	121.000.000	96.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên	121.000.000	96.000.000
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên	121.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên	121.000.000	96.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên (đến ngày 30/6/2024)	-	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng Ban Kiểm soát	762.591.196	707.269.640
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	84.700.000	67.200.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát	84.700.000	67.200.000

Các khoản thù lao của ông Bùi Hồng Dũng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được chi trả bởi Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn, là công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phan Nhân Tri
Trưởng phòng Tài chính Kế toán




Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc